TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 124/2024/HS-ST.
Ngày: 25 - 9 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Hơn
2. Ông Cao Xuân Quan

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Kim Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985 tại Bình Thuận;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1959 (đã chết) và con bà: Trương Thị M, sinh năm 1960

Gia đình có 05 anh, em; bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Lê Thị Thuý H, sinh năm 1988 (đã ly hôn).

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 05/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Ngọc B (Tên gọi khác: T. c), sinh năm 1984 tại Bình Thuận;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà: Lương Thị H (đã chết).

Gia đình có 08 anh, em; bị cáo là con thứ tám.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 05/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:** Ông Lê Minh H – sinh năm 1958. Có đơn xét xử vắng mặt.

HKTT: Khu phố 8, phường Tân An, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4/2024, bị cáo Nguyễn Thanh L phát hiện trên rẫy của ông Lê Minh H thuộc thửa đất số 6, 7, tờ bản đồ số 57 thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có trồng nhiều cây, chủ yếu là keo tràm, không có người trông coi nên nảy sinh ý định cưa trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, bị cáo L mang theo cưa máy rồi điều khiển xe mô tô BKS: 86B5-004.73 đến khu vực rẫy của ông H bắt đầu cưa cây từ thời điểm khoảng 20 đến 21 giờ tối để tránh bị phát hiện. Bị cáo L chọn những cây có đường kính lớn, cưa sát gốc rồi phân ra thành từng đoạn từ 90 – 120 cm rồi tập kết lại một chỗ, khi ước lượng đủ 01 xe máy cày thì gọi xe vào bốc lên xe chở đi bán, bị cáo L đã thực hiện trót lọt 02 lần trộm cắp tài sản cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 4, bị cáo L cưa trộm cây được khoảng 01 tuần rồi thuê ông Nguyễn Văn U (tên thường gọi là S.X, sinh năm 1961; HKTT: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận) dùng xe máy cày chở đến bán cho ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; HKTT: Thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận được 3.500.000 đồng, bị cáo L trả tiền xe cho ông U 1.000.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Cách lần 1 khoảng 01 tuần, sau khi cưa cây xong, bị cáo L thuê xe ông Lê Văn L (tên thường gọi là T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận) chạy máy cày vào chở bán cho ông Nguyễn Minh T được 3.000.000 đồng, bị cáo L trả tiền thuê xe cho L 800.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Sau 02 lần trên, trong lúc đi chơi bị cáo L kể sự việc trộm cắp tài sản trên cho Nguyễn Ngọc B nghe và B xin đi theo để kiếm tiền tiêu xài thì được bị cáo L đồng ý. Bị cáo L là người cưa cây, phân cây ra ra thành từng đoạn còn B là người khiêng và tập kết cây. Sau khi đủ số lượng, bị cáo L sẽ thuê máy cày đi bán. Từ ngày 25/4/2024 đến ngày 09/5/2024, bị cáo L và B đã cũng nhau cưa trộm cây của ông Lê Minh H và bán trót lọt 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 25/4/2024, sau khi đã cưa trộm cây, bị cáo L thuê Trần Duy A (tên gọi khác là D, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận) đến chở cây bán cho Công ty TNHH sản xuất Trường Sơn tại thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện H. T rồi cầm phiếu về cho bị cáo L đi lấy tiền. Sau đó, bị cáo L cầm phiếu đi thanh toán được 4.596.000 đồng, bị cáo L chia cho B 400.000 đồng, số tiền còn lại L chi tiêu cho việc ăn uống của L và B, mua nhiên liệu máy cưa và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Vào ngày 07/5/2024, sau khi cưa trộm cây, bị cáo L tiếp tục thuê Trần Duy A chở cây bán cho Công ty TNHH sản xuất T. S rồi cầm phiếu về cho bị cáo L đi lấy tiền. Sau đó, L cầm phiếu đi thanh toán được 3.000.000 đồng, L trả tiền xe 02 lần cho D. A là 1.400.000 đồng, chia cho B 400.000 đồng, số tiền còn lại L chi tiêu cho việc ăn uống của L và B, mua nhiên liệu máy cưa và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Vào ngày 09/5/2024, sau khi cưa trộm cây, bị cáo L thuê Lê Văn L chở cây bán cho ông Nguyễn Minh T được 2.700.000 đồng, bị cáo L chia cho B 400.000 đồng, số tiền còn lại L chi tiêu cho việc ăn uống của L và B, mua nhiên liệu máy cưa và tiêu xài cá nhân hết.

Sau 03 lần trên, bị cáo L và B tiếp tục cưa trộm cây của ông Lê Minh H và phân thành từng đoạn để tại rẫy và chờ thuê xe đi bán. Ngày 11/5/2024, ông H vào rẫy kiểm tra thì phát hiện bị cưa trộm cây nên trình báo đến Công an xã T. B. Tối ngày 12/5/2024, bị cáo L và B vào rẫy để khiêng số gỗ này ra thuê xe chở đi bán thì bị Công an phát hiện bắt giữ L, còn B bỏ chạy được nhưng đến ngày 23/6/2024 Bình đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L làm việc, khai nhận hành vi cùng bị cáo Nguyễn Thanh L cưa trộm cây tại rẫy của ông Lê Minh H.

Tổng số lần bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là: 05 lần với tổng số tiền: 16.796.000 đồng.

Tổng số lần bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là: 03 lần với tổng số tiền: 10.296.000 đồng.

Xe máy BKS 86B5-004.73 bị cáo Lợi mua của anh Trần Văn T vào năm 2019 giá 2.000.000 đồng.

* Các vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh L: 01 mày cưa tay (cưa xích) nhãn hiệu STIHL, thân máy màu cam, trắng; 01 xe mô tô BKS: 86B5-004.73 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu đen.

- Thu giữ 01 lô gỗ bị cáo L và B tiêu thụ tại cơ sở gỗ của ông Nguyễn Minh T vào ngày 09/5/2024.

- Thu giữ tại hiện trường 01 lô lâm sàn bị cáo L và B đã cưa xong (ký hiệu: Lô lâm sản 2 và (bút lục: 83, 191).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 57/KL-ĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi, kết luận:

* Lô lâm sản 1 (tiêu thụ):

+ Keo lá tràm: 1,7 m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,461 m^3 (đường kính từ 6cm đến < 10 cm, dài >1m); có giá trị là: 0,461 m^3 x 1.300.000đ/m^3 = 599.300 đồng.

Gỗ khối lượng 0,059 m^3 (đường kính từ 10cm đến <16cm, dài > 1m); có giá trị là: 0,059 m^3 x 2.000.000d0/m3 = 118.000 đồng.

Củi khối lượng 1,26m^3 tương đương 1,8 ster; có giá trị là: 1,8 ster x 500.000đ/ster = 900.000 đồng.

+ Lim vang (nhóm 5): Củi khối lượng 0,034m^3 tương đương 0,049 ster; có giá trị là: 0,049 ster x 500.000đ/ster = 24.500 đồng.

+ Trắc vàng (nhóm 1): Củi khối lượng 0,138m^3 tương đương 0,197 ster; có giá trị là: 0,197 ster x 500.000đ/ster = 98.500 đồng.

Giá trị lô lâm sản 1: 1.740.300 đồng.

* Lô lâm sản 2 (khai thác):

+ Keo lá tràm: 0,972m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,358m^3 (đường kính từ 06cm đến <10cm, dài >1m); có giá trị là: 0,358m^3 x 1.300.000đ/m^3 = 465.400 đồng.

Gỗ khối lượng 0,235m^3 (đường kính từ 10cm đến <16cm, dài >1m); có giá trị là: 0,235m^3 x 2.000.000đ/m^3 = 470.000 đồng.

Gỗ khối lượng 0,271m^3 (đường kính từ 16cm đến <25cm, dài >1m); có giá trị là: 0,271m^3 x 2.500.000đ/m^3 = 677.500 đồng.

Củi khối lượng 0,108m^3 tương đương 0,154 ster; có giá trị là: 0,154 ster x 500.000đ/ster = 77.000 đồng.

+ Bạch đàn: 0,028 m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,018m^3 (đường kính từ 06cm đến <10cm, dài >1m); có giá trị là: 0,018m^3 x 1.100.000đ/m^3 = 19.800 đồng.

Củi khối lượng 0,01m^3 tương đương 0,014 ster; có giá trị là: 0,014 ster x 500.000đ/ster = 7.000 đồng.

+ Lim vang (nhóm 5):

Gỗ khối lượng 0,204m^3 (đường kính từ 11,5cm đến <24cm, dài từ 0,8m đến 1,08m; Có giá trị là: 0,204m^3 x 2.500.000đ/m^3 = 510.000 đồng.

Củi khối lượng 0,284m^3 tương đương 0,406 ster; có giá trị là: 0,406 ster x 500.000đ/ster = 203.000 đồng.

+ Thừng mực (nhóm 7):

Gỗ khối lượng 0,046m^3 (đường kính từ 18cm, dài từ 1,7m); Có giá trị là: 0,046m^3 x 2.200.000đ/m^3 = 101.200 đồng.

Củi khối lượng 0,269m^3 tương đương 0,384 ster; Có giá trị là: 0,384 ster x 500.000đ/ster = 192.000 đồng.

Giá trị lô lâm sản 2: 2.722.900 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 4.463.200 đồng.

Ngày 04/7/2024, Cơ quan điều tra phối hợp với Hạt kiểm lâm H.T – L xác định toàn bộ số lượng, chủng loại, khối lượng lâm sản bị cưa trộm tại đất của ông Lê Minh H thuộc thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã L như sau:

1. Về số lượng, chủng loại cây gỗ bị khai thác: Tại mảnh đất của ông Lê Minh H ở thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có 516 cây gỗ bị khai thác thuộc loài thông thường, gồm 455 cây Keo lá tràm, 02 cây Bạch đàn, 26 cây Thừng mực (nhóm 7), 24 cây Lim vang (nhóm 5), 9 cây Trắc vàng (nhóm 1). Hiện trường còn gốc cây và cành ngọn.

2. Khối lượng lâm sản bị khai thác:

Tổng số lâm sản bị khai thác là 7,777 m^3 (gỗ: 5,454m^3; củi: 2,323m^3) phân theo chủng loại như sau:

Keo lá tràm có khối lượng: 6,488m^3 (gỗ:4,832m^3; củi: 1,656m^3 2,365 ster).

Bạch đàn có khối lượng 0,057m^3 (gỗ: 0,044m^3; củi: 0,013m^3 0,018 ster).

Thừng mực có khối lượng 0,541m^3 (gỗ: 0,263m^3; củi: 0,278m^3 0,397 ster).

Trắc vàng có khối lượng 0,146m^3 (gỗ: 0m^3; củi: 0,146m^3 0,208 ster).

Lim vang có khối lượng 0,545m^3 (gỗ: 0,315m^3; củi: 0,230m^3 0,328 ster).

Tại kết luận định giá tài sản số 75/KL-ĐGTS ngày 11/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi kết luận:

+ Keo lá tràm: 6,488m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 4,832m^3, có giá trị là: 4,832m^3 x 1.500.000 đ/m^3 = 7.248.000 đồng.

Củi khối lượng 1,656m^3 tương đương 2,365 ster; có giá trị là: 2,365 ster x 500.000 đ/ster = 1.182.500 đồng.

+ Bạch đàn: 0,057m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,044m^3, có giá trị là: 0,044m^3 x 1.100.000đ/m^3 = 48.400 đồng.

Củi khối lượng 0,013m^3 tương đương 0,018 ster; có giá trị là: 0,018 ster x 500.000đ/ster = 9.000 đồng.

+ Thừng mực: 0,541m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,263m^3, có giá trị là: 0,263m^3 x 2.200.000đ/m^3 = 578.600 đồng.

Củi khối lượng 0,278m^3 tương đương 0,397 ster; có giá trị là: 0,397 ster x 500.000đ/ster = 198.500 đồng.

+ Trắc vàng:

Củi khối lượng 0,146m^3 tương đương 0,208 ster; có giá trị là: 0,208 ster x 500.000đ/ster = 104.000 đồng.

Lim vang: 0,545m^3, trong đó:

Gỗ khối lượng 0,315m^3, có giá trị là: 0,315m^3 x 2.500.000đ/m^3 = 787.500 đồng.

Củi khối lượng 0,23m^3 tương đương 0,328 ster; có giá trị là: 0,328 ster x 500.000đ/ster = 164.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 10.320.500 đồng.

Vật chứng thu giữ vụ án đã được xử lý như sau:

- Lô lâm sản thu giữ tại hiện trường và lô lâm sản thu giữ từ ông Nguyễn Minh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã L đã trả cho ông Lê Minh H vào ngày 18/6/2024.

- 01 máy cưa tay (cưa xích) nhãn hiệu STIHL, thân máy màu cam, trắng; 01 xe mô tô BKS: 86B5-004.73; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu đen đã được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thị xã L quản lý.

- Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc B đã bồi thường cho ông Lê Minh H số tiền 3.000.000 đồng, ông H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh L bồi thường số tiền 3.000.000

đồng, nhưng bị cáo L chưa bồi thường. Ông Nguyễn Minh T không yêu cầu bị cáo L và B phải bồi thường dân sự gì về số cây bị thu hồi.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 133/CT-VKSLG-HS ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ: 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- **Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Ngọc B**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, nên không có ý kiến tranh luận.

*** Bị cáo Nguyễn Thanh L nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Bị cáo Nguyễn Ngọc B nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị hại ông Lê Minh H có đơn xét xử vắng mặt, Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận:

Từ khoảng đầu tháng 4/2024 đến ngày 12/5/2024, tại khu vực rẫy của ông Lê Minh H thuộc thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã L, bị cáo Nguyễn Thanh L và Nguyễn Ngọc B đã có hành vi cưa trộm cây trên đất của ông H, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài. Tổng số cây mà bị cáo L và B đã cưa trộm là 516 cây, gồm 455 cây Keo lá tràm, 02 cây Bạch đàn, 26 cây Thừng mực (nhóm 7), 24 cây Lim vang (nhóm 5), 09 cây Trắc vàng (nhóm 1), với tổng giá trị tài sản qua định giá là 10.320.500 đồng.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo Nguyễn Thanh L là người khởi xướng, trực tiếp tham gia trong tất cả các lần trộm cắp và bán tài sản (05 lần, với tổng số tiền là: 16.796.000 đồng) và bị cáo Nguyễn Ngọc B tham gia giúp sức trong việc trộm cắp và bán tài sản (03 lần, với tổng số tiền là: 10.296.000 đồng). Riêng lần cuối cùng bị cáo L và B đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 2.722.900 đồng (Lô lâm sản 2) nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt giữ. Do đó, hành vi của bị cáo L và B đã đủ cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, do đó hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và nguy hiểm cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B nhiều lần thực hiện hành vi cưa trộm cây và đem đi bán, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên". Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Ngọc B thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo B đã bồi thường cho ông H số tiền

3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên bị cáo Bình được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đã nhận thức rõ được "Trộm cắp tài sản" của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo lao động, học tập, giáo dục trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 máy cưa tay (cưa xích) nhãn hiệu STIHL, thân máy màu cam, trắng; 01 xe mô tô BKS: 86B5-004.73; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu đen là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải bồi thường cho ông Lê Minh H số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

[10] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/8/2024.

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/8/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 357 Bộ luật dân sự.

Tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải bồi thường cho ông Lê Minh H số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 máy cưa tay (cưa xích) nhãn hiệu STIHL, thân máy màu cam, trắng; 01 xe mô tô BKS: 86B5-004.73; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu đen (vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L).

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng APDSST.

Bị cáo Nguyễn Ngọc B phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh L, bị cáo Nguyễn Ngọc B có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2024). Riêng bị hại ông Lê Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn